MỤC LỤC

[CHƯƠNG 6: 3](#_Toc156920312)

[QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG 3](#_Toc156920313)

[TẠI ĐỊA PHƯƠNG 3](#_Toc156920314)

[MỤC I: QUY ĐỊNH CHUNG 3](#_Toc156920315)

[Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 3](#_Toc156920316)

[Điều 2. Đối tượng áp dụng 3](#_Toc156920317)

[Điều 3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và cơ quan lập quy hoạch 3](#_Toc156920318)

[Điều 4. Điều kiện về năng lực chuyên môn đối với tổ chức tư vấn lập quy hoạch 3](#_Toc156920319)

[Điều 5. Chi phí cho hoạt động quy hoạch 3](#_Toc156920320)

[Mục II: LẬP QUY HOẠCH 4](#_Toc156920321)

[Tiểu mục 1. TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH 4](#_Toc156920322)

[Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch 4](#_Toc156920323)

[Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch 5](#_Toc156920324)

[Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập quy hoạch 5](#_Toc156920325)

[Điều 9. Thời hạn lập quy hoạch 6](#_Toc156920326)

[Tiểu mục 2. NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH 6](#_Toc156920327)

[Điều 10. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch 6](#_Toc156920328)

[Điều 11. Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch 7](#_Toc156920329)

[Điều 12. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch 9](#_Toc156920330)

[Tiểu mục 3. NỘI DUNG QUY HOẠCH VÀ LẤY Ý KIẾN VỀ QUY HOẠCH 10](#_Toc156920331)

[Điều 13. Nội dung quy hoạch 10](#_Toc156920332)

[Điều 14. Căn cứ lập quy hoạch 10](#_Toc156920333)

[Điều 15. Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, cột treo cáp 11](#_Toc156920334)

[Điều 16: Phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ 12](#_Toc156920335)

[Điều 17. Lấy ý kiến về quy hoạch 13](#_Toc156920336)

[Mục III: THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÔNG BỐ QUY HOẠCH 14](#_Toc156920337)

[Tiểu mục 1. THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH 14](#_Toc156920338)

[Điều 18. Thẩm quyền thẩm định quy hoạch 14](#_Toc156920339)

[Điều 19. Hội đồng thẩm định quy hoạch 14](#_Toc156920340)

[Điều 20. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch 14](#_Toc156920341)

[Điều 21. Lấy ý kiến trong quá trình thẩm định quy hoạch 15](#_Toc156920342)

[Điều 22. Thẩm định quy hoạch 15](#_Toc156920343)

[Điều 23. Xử lý đối với quy hoạch sau khi thẩm định 16](#_Toc156920344)

[Tiểu mục 2. PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ QUY HOẠCH 17](#_Toc156920345)

[Điều 24. Trình, phê duyệt quy hoạch 17](#_Toc156920346)

[Điều 25. Công bố quy hoạch 17](#_Toc156920347)

[MỤC IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH 17](#_Toc156920348)

[Điều 26. Tổ chức thực hiện quy hoạch 17](#_Toc156920349)

[Điều 27. Đánh giá, rà soát thực hiện quy hoạch 18](#_Toc156920350)

[Điều 28. Điều chỉnh quy hoạch 18](#_Toc156920351)

[Điều 29. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch 19](#_Toc156920352)

[Điều 30: Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch 19](#_Toc156920353)

[MỤC V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 21](#_Toc156920354)

[Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp 21](#_Toc156920355)

[Điều 32. Hiệu lực thi hành 21](#_Toc156920356)

[Điều 33. Trách nhiệm thi hành 21](#_Toc156920357)

**DỰ THẢO**

# CHƯƠNG 6:

# QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

# TẠI ĐỊA PHƯƠNG

## MỤC I: QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về nội dung quy hoạch, việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giávà điều chỉnh quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ở địa phương.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan đến việc lập, phê duyệt, ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

### Điều 3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và cơ quan lập quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực thuộc trung ương.

2. Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan quản lý chuyên ngành về Thông tin và Truyền thông được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập quy hoạch.

### Điều 4. Điều kiện về năng lực chuyên môn đối với tổ chức tư vấn lập quy hoạch

1. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có các chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Chuyên gia tư vấn là chủ nhiệm dự án phải có kinh nghiệm ít nhất làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập quy hoạch hoặc đồ án quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

3. Chuyên gia tư vấn tham gia lập quy hoạch bao gồm tối thiểu các chuyên gia thuộc các lĩnh vực xây dựng, giao thông, viễn thông và phải có bằng đại học trở lên,đã có 03 năm kinh nghiệm chuyên môn trong công việc đảm nhận.

### Điều 5. Chi phí cho hoạt động quy hoạch

1. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch, đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác.
2. Việc xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được thực hiện theo hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô của Bộ Xây dựng.

# Mục II: LẬP QUY HOẠCH

## Tiểu mục 1. TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

### Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch

1. Quyết định cơ quan lập quy hoạch.

2. Thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

3. Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Quyết định phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền.

1. Lập, phê duyệt, công bố quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của địa phương 05 (năm) năm một lần, tầm nhìn10 (mười) năm, được điều chỉnh, bổ sung theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòngcủa địa phương.Việc điều chỉnh phải đảm bảo tính kế thừa của các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt;
2. Quyết định đưa các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch có liên quan tại địa phương;
3. Hàng năm, chỉ đạo cơ quan chuyên môn về thông tin và truyền thông tổ chức, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của các doanh nghiệp viễn thông;
4. Căn cứ vào quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được phê duyệt, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hạ ngầm cáp viễn thông và kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống cột ăng ten trên cơ sở bảo đảm hiệu quả việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, an toàn và cảnh quan môi trường tại địa phương. Đồng bộ với kế hoạch phát triển hạ tầng giao thông, xây dựng và các hạ tầng kỹ thuật có liên quan khác trên địa bàn;
5. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương đã được phê duyệt;

6. Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số để cập nhật hiện trạng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

Chỉ đạo cơ quan quản lý chuyên ngành về Thông tin và Truyền thông lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu về quy hoạch theo đúng quy định;

b) Tổ chức quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quy hoạch trên môi trường mạng;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, cơ sở dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, đảm bảo khả năng chia sẻ, dùng chung và gia tăng giá trị của thông tin, cơ sở dữ liệu về quy hoạch;

d) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

### Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng và trình nhiệm vụ lập quy hoạch; gửi hồ sơ trìnhc thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tới cơ quan tổ chức lập quy hoạch để tổ chức thẩm định.

2. Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định.

3. Tổ chức triển khai lập quy hoạch theo nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

4. Cung cấp đầy đủ tài liệu, cơ sở vật chất theo quy định cho Hội đồng thẩm định và các cơ quan có liên quan khi tham gia ý kiến, thẩm định phê duyệt quy hoạch.

5. Xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện quy hoạch.

Cung cấp đầy đủ dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn theo yêu cầu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan quản lý chuyên ngành về Thông tin và Truyền thông) để thực hiện công tác lập, phê duyệt, công bố và quản lý quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

2. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, thành phố và doanh nghiệp viễn thông tại địa phương sau khi được phê duyệt.

3. Căn cứ vào kế hoạch hạ ngầm cáp viễn thông và kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống cột ăng ten của tỉnh, thành phố, lập và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hạ ngầm cáp viễn thông và chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống cột ăng ten của mình tại địa phương.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ để cập nhật hiện trạng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của đơn vị và định kỳ báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập quy hoạch

1. Chịu trách nhiệm về nội dung theo hợp đồng, bao gồm cả số lượng, thời gian thực hiện, tính chính xác và chất lượng của sản phẩm quy hoạch.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình lập quy hoạch.

### Điều 9. Thời hạn lập quy hoạch

1. Thời hạn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 03 tháng.

2. Thời hạn lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch được duyệt.

3. Thời hạn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch và thời hạn lập quy hoạch quy định tại khoản 1 và 2 Điều này không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

## Tiểu mục 2. NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH

### Điều 10. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Căn cứ xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch:
2. Quy hoạch ngành thông tin và truyền thông, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh có liên quan (quy hoạch giao thông, xây dựng, đô thị, phát triển nông thôn);
3. Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
4. Báo cáo hiện trạng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch thời kỳ trước.
5. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Căn cứ lập quy hoạch;

b) Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch;

c) Phạm vi, đối tượng, thời kỳ quy hoạch;

d) Xác định các nhiệm vụ trọng tâm của quy hoạch;

đ) Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong kỳ quy hoạch;

e) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch;

g) Yêu cầu và nhiệm vụ đánh giá môi trường chiến lược;

h) Yêu cầu về sản phẩm quy hoạch (thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ);

i) Thời hạn lập quy hoạch, kế hoạch lập quy hoạch và trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổ chức lập quy hoạch;

k) Dự toán chi phí lập quy hoạch.

Bao gồm các nội dung sau:

- Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch;

- Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch;

- Nội dung quy hoạch;

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

- Phương pháp lập quy hoạch;

- Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch,

- Thời hạn lập quy hoạch;

- Chi phí lập quy hoạch.

### Điều 11. Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định.

2. Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Tài liệu khác (nếu có).

3. Nội dung thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Sự phù hợp với các căn cứ pháp lý;

b) Sự phù hợp, tính khoa học, độ tin cậy của nội dung và phương pháp lập quy hoạch;

c) Sự phù hợp giữa nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch với dự toán chi phí và nguồn vốn để lập quy hoạch;

d) Tính khả thi của kế hoạch lập quy hoạch.

4. Thời gian thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 45 ngày tính từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị có chức năng thẩm định nhận đủ hồ sơ trình thẩm định.

5. Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch phải thể hiện các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định, Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị có chức năng thẩm định phải gửi Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tới cơ quan lập quy hoạch;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

7. Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm có các thành phần như sau:

- Chủ tịch hội đồng;

- Phó chủ tịch hội đồng;

- Thành viên: đại diện các cơ quan chuyên môn về giao thông, xây dựng, viễn thông; đại diện các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

- Uỷ viên phản biện.

8. Họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch phải có sự tham gia ít nhất của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hội đồng, cùng với sự hiện diện của hơn 50% số thành viên khác trong hội đồng.

9. Cơ chế ra quyết định của hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch làm việc theo hình thức tập thể, thực hiện quá trình thảo luận một cách công khai và quyết định bằng cách sử dụng phiếu biểu quyết theo nguyên tắc đa số;

b) Nhiệm vụ lập quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi khi có sự đồng thuận thông qua hoặc thông qua với sự tham gia bỏ phiếu của hơn 50% số thành viên trong hội đồng thẩm định tham dự cuộc họp và tham gia quá trình bỏ phiếu, kể cả trường hợp có các chỉnh sửa được thực hiện.

10. Hồ sơ thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm:

a) Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Nhiệm vụ lập quy hoạch;

d) Tài liệu khác (nếu có).

11. Nội dung thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Sự phù hợp của các căn cứ pháp lý;

b) Sự phù hợp, tính khoa học, tính logic, độ tin cậy của nội dung và phương pháp lập quy hoạch;

c) Sự phù hợp giữa nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch với dự toán chi phí và nguồn vốn để lập quy hoạch;

d) Tính khả thi của kế hoạch lập quy hoạch.

12. Thời gian hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 30 ngày khi có đủ hồ sơ thẩm định.

13. Biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch

a) Biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch phải thể hiện rõ ý kiến của các thành viên hội đồng và kết luận của Chủ tịch hội đồng;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện hồ sơ, trình chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

### Điều 12. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

d) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định (nếu có) về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch;

đ) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch đã được chỉnh lý, hoàn thiện;

e) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi, đối tượng quy hoạch;

b) Các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch;

c) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch;

d) Thời hạn lập quy hoạch;

đ) Số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch;

e) Chi phí lập quy hoạch;

g) Trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình lập quy hoạch;

h) Các nội dung khác do cơ quan phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch giao.

3. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

4. Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

a) Tờ trình về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

d) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch;

đ) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện;

e) Tài liệu khác (nếu có).

## Tiểu mục 3. NỘI DUNG QUY HOẠCH VÀ LẤY Ý KIẾN VỀ QUY HOẠCH

### Điều 13. Nội dung quy hoạch

Nội dung chủ yếu của quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là việc tổ chức bố trí các công trình viễn thông dựa trên các quy hoạch xây dựng,quy hoạch đô thị, quy hoạch giao thông và các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan khác đã được phê duyệt trên địa bàn nhằm bảo đảm công trình viễn thông được phát triển đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật tại địa phương. Nội dung của quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động bao gồm:

1. Phương án phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (cống, bể, ống cáp); hào, tuy nen kỹ thuật.
2. Phương án phát triển cột treo cáp (bao gồm cột viễn thông, cột điện lực, cột chiếu sáng và các cột sử dụng treo cáp, lắp đặt thiết bị viễn thông);
3. Phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ (được lập thành bảng và thể hiện trên bản đồ số);
4. Phương án phát triển vị trí (địa chỉ, tọa độ) các nhà, trạm lắp đặt thiết bị vào đó để phục vụ viễn thông.
5. Phương án phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan khác để lắp đặt thiết bị phục vụ viễn thông.
6. Ngoài các nội dung nêu trên, căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn và trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, quy hoạch này có thể có các nội dung khác liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

### Điều 14. Căn cứ lập quy hoạch

1. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được lập căn cứ vào các nội dung sau:
	1. Quy hoạch ngành thông tin và truyền thông, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh có liên quan (quy hoạch giao thông, xây dựng, đô thị, phát triển nông thôn);

- Tài liệu, số liệu về hiện trạng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, điều kiện tự nhiên của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bản đồ quy hoạch đô thị tỷ lệ 1/10.000 trở lên và quy hoạch nông thôn tỷ lệ 1/10.000 trở lên đã được phê duyệt; Hiện trạng bản đồ, cơ sở dữ liệu các công trình hạ tầng kỹ thuật tại địa phương. Ưu tiên sử dụng bản đồ số có khả năng bổ sung cập nhật, liên kết chồng lớp dữ liệu; đảm bảo tính đồng bộ, liên thông xây dựng, quản lý và khai thác hạ tầng viễn thông.

1. Hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động của tất cả các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trên địa bàn.
2. Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động 05 năm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trên địa bàn phân kỳ theo từng năm và định hướng phát triển 10 năm.

### Điều 15. Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, cột treo cáp

1. Mục tiêu:

a) Xác định các yêu cầu cụ thể đối với việc bố trí và xây dựng cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm nhằm bảo đảm an toàn cho hoạt động của mạng viễn thông và bảo vệ cảnh quan môi trường, đặc biệt trong các khu vực đô thị;

b) Từng bước hạn chế việc treo cáp viễn thông; tăng cường sử dụng chung cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm; đồng thời triển khai kế hoạch ngầm hóa cáp trên địa bàn trong thời hạn của quy hoạch nhằm tiến đến một không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn không có cáp treo, hoặc hạn chế cáp treo đến mức thấp nhất.

2. Yêu cầu:

a) Trên các tuyến có công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm còn khả năng để lắp đặt cáp viễn thông thì cáp viễn thông bắt buộc phải lắp đặt trong các công trình này;

b) Tại các khu vực không còn khả năng đi ngầm cáp trong các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm hoặc không còn khả năng xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm thì cáp viễn thông được phép lắp đặt trên cột điện, cột đèn. Trong trường hợp không có cột điện, cột đèn, hoặc cột điện, cột đèn không có khả năng lắp đặt cáp viễn thông thì được phép xây dựng cột treo cáp viễn thông riêng biệt hoặc điều chỉnh sửa đổi bổ sung quy hoạch để mở rộng khả năng dung lượng hạ tầng kỹ thuật ngầm phù hợp với kế hoạch phát triển của doanh nghiệp;

c) Đối với các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, tuyến đường, phố mới xây dựng, cải tạo hoặc mở rộng phải lập, phê duyệt quy hoạch và triển khai xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm để đi cáp viễn thông;

d) Các doanh nghiệp phải đầu tư, xây dựng, sử dụng chung hệ thống cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, nếu tuyến, hướng của hệ thống cáp viễn thông giống nhau;

đ) Cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm phải bảo đảm an toàn, mỹ quan, tuân thủ các yêu cầu về thiết kế, xây dựng công trình và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

3. Nội dung (theo Mẫu số 01 - Phụ lục kèm theo):

a) Tên quận, huyện;

b) Tên các khu vực, tuyến đường, phố phải xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, được xây dựng cột treo cáp viễn thông riêng biệt, hoặc được dùng cột treo cáp sử dụng chung với các ngành khác như cột điện, cột đèn, v.v để lắp đặt cáp viễn thông;

c) Loại công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng để lắp đặt cáp viễn thông, bao gồm: công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông riêng biệt (N1), công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung với các ngành khác (N2), cột treo cáp viễn thông riêng biệt (C1), cột treo cáp sử dụng chung với các ngành khác (C2);

d) Quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng để lắp đặt cáp viễn thông, bao gồm: loại, số lượng ống cáp viễn thông có thể lắp đặt vào công trình và chiều dài của công trình;

đ) Thời điểm hoàn thành việc ngầm hóa các tuyến cáp viễn thông trong thời hạn của quy hoạch.

### Điều 16: Phương án phát triển vị trí lắp đặt ăng ten

1. Mục tiêu:

a) Xác định các yêu cầu cụ thể đối với việc bố trí và xây dựng các cột ăng ten nhằm bảo đảm an toàn cho hoạt động của mạng viễn thông và bảo vệ cảnh quan môi trường, đặc biệt trong các khu vực đô thị;

b) Hạn chế việc xây dựng các cột ăng ten tại khu vực đô thị và điểm dân cư nông thôn đến mức thấp nhất.

- Xác định độ cao tối đa cột treo ăng ten và lắp đặt thiết bị, số lượng vị trí trạm lắp đặt ăng ten theo địa giới hành chính phù hợp với quy hoạch xây dựng và các quy định về độ cao xây dựng trên địa bàn;

- Căn cứ vào hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động, kế hoạch phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xác định các vị trí cần xây dựng lắp đặt công trình viễn thông chịu được rủi ro thiên tai cấp độ 4 và đáp ứng việc dùng chung tối thiểu cho 2 doanh nghiệp (theo Mẫu số 02 - Phụ lục kèm theo).

2. Yêu cầu:

a) Cột ăng ten phải bảo đảm an toàn, mỹ quan và tuân thủ các yêu cầu về thiết kế, xây dựng công trình và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan;

b) Độ cao cột ăng ten được xây dựng phải phù hợp với điều kiện địa hình, khí hậu của từng khu vực đáp ứng yêu cầu an toàn hàng không, và an toàn công trình theo quy định của pháp luật;

c) Hệ thống ăng ten lắp đặt trên cột ăng ten phải bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện;

d) Tại các khu vực có yêu cầu cao về bảo vệ cảnh quan môi trường như mặt các đường, phố chính, quảng trường trung tâm, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh và các khu vực khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thì ban hành danh mục vị trí về giới hạn chiều cao cột ăng ten, ngụy trang (theo Mẫu số 03 - Phụ lục kèm theo);

e) Số lượng cột ăng ten theo từng quận huyện trên địa bàn, phân kỳ theo thời gian (hàng năm) đến hết thời hạn quy hoạch;

g) Căn cứ lịch sử thiên tai, vùng trọng điểm của thiên tai, xác định vị trí để bảo đảm ít nhất một cột ăng ten chịu được rủi ro thiên tai cấp độ 4 và có khả năng dùng chung;

h) Đối với các địa phương ven biển và hải đảo xác định vùng phủ sóng để triển khai các cột ăng ten hướng ra biển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và an ninh quốc phòng trên biển.

### Điều 17. Lấy ý kiến về quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch chịu trách nhiệm thu thập ý kiến từ các cơ quan chuyên môn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan đối với quy hoạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch để hoàn thiện dự thảo quy hoạch.
2. Việc lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, doanh nghiệp và liên quan đối với quy hoạch, được thực hiện như sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch gồm báo cáo quy hoạch và bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch;

b) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch;

c) Việc thu thập ý kiến từ cộng đồng và cá nhân về quy hoạch được thực hiện qua việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch.

d) Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét trước khi trình thẩm định quy hoạch.

# Mục III: THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÔNG BỐ QUY HOẠCH

## Tiểu mục 1. THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH

### Điều 18. Thẩm quyền thẩm định quy hoạch

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc để tổ chức thẩm định quy hoạch.

### Điều 19. Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch cấp tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh;

c) Các thành viên của Hội đồng là đại diện các Sở, ban, ngành, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, chuyên gia về quy hoạch, viễn thông, trong đó có 02 thành viên là ủy viên phản biện.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng thẩm định

a) Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng thẩm định; tổ chức, điều hành các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thẩm định; báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch;

b) Ủy viên phản biện có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến phản biện bằng văn bản gửi cho Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định trước khi họp Hội đồng thẩm định;

c) Thành viên Hội đồng thẩm định tham dự cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến bằng văn bản tại các cuộc họp của Hội đồng thẩm định về lĩnh vực chuyên môn và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch hội đồng giao; được quyền bảo lưu ý kiến.

3. Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến; tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thẩm định; dự thảo biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định quy hoạch và các nhiệm vụ khác do chủ tịch Hội đồng thẩm định giao.

### Điều 20. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch

1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

a) Tờ trình phê duyệt quy hoạch;

b) Báo cáo quy hoạch;

c) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan chuyên môn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan đối với quy hoạch; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định quy hoạch chỉ tổ chức thẩm định khi nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có quyền yêu cầu cơ quan lập quy hoạch cung cấp thêm thông tin, giải trình về các nội dung liên quan.

### Điều 21. Lấy ý kiến trong quá trình thẩm định quy hoạch

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, nếu hồ sơ đã đáp ứng điều kiện để tổ chức thẩm định, Hội đồng thẩm định gửi hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, thành viên Hội đồng thẩm định gửi ý kiến bằng văn bản tới cơ quan lập quy hoạch để tổng hợp.

3. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch quyết định lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; quyết định lựa chọn tổ chức tư vấn thẩm tra độc lập để phản biện một hoặc một số nội dung của quy hoạch.Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu phản biện quy hoạch, phải gửi ý kiến bằng văn bản tới Hội đồng thẩm định để tổng hợp.

### Điều 22. Thẩm định quy hoạch

1. Phiên họp thẩm định quy hoạch được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng thẩm định, trong đó có Chủ tịch và 02 ủy viên phản biện.

2. Cơ chế ra quyết định của hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận công khai, biểu quyết bằng phiếu theo đa số;

b) Quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa.

3. Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch;

b) Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch phải thể hiện rõ ý kiến của các thành viên hội đồng và kết luận của Chủ tịch hội đồng thẩm định.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp tỉnh tổ chức việc xin ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về hồ sơ quy hoạch đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch thông qua trước khi ký ban hành.

5. Trường hợp quy hoạch được hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch. Trường hợp quy hoạch không được hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

### Điều 23. Xử lý đối với quy hoạch sau khi thẩm định

1. Trường hợp quy hoạch đủ điều kiện trình quyết định hoặc phê duyệt, không có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định quy hoạch, Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định phê duyệt Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch để hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch.

2. Trường hợp quy hoạch đủ điều kiện phê duyệt nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung, trình tự xử lý như sau:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định quy hoạch, Hội đồng thẩm định gửi văn bản kết luận cho cơ quan lập quy hoạch để nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, cơ quan lập quy hoạch chỉnh sửa, hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định và nộp lại Hội đồng thẩm định, kèm theo văn bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định;

c) Hội đồng thẩm định quy hoạch tiếp nhận hồ sơ dự án quy hoạch đã chỉnh sửa, rà soát nội dung chỉnh sửa và gửi xin ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định (nếu cần thiết);

d) Trường hợp quy hoạch đã đủ điều kiện trình phê duyệt, Hội đồng thẩm định quy hoạch lập Báo cáo thẩm định quy hoạch trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phê duyệt, gửi cơ quan lập quy hoạch để hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch;

đ) Trường hợp quy hoạch chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chỉnh sửa bổ sung của Hội đồng thẩm định quy hoạch, Hội đồng thẩm định có văn bản hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung gửi cơ quan lập quy hoạch trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ quy hoạch đã chỉnh sửa.

3. Trường hợp quy hoạch chưa đủ điều kiện trình phê duyệt, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định quy hoạch, Hội đồng thẩm định gửi văn bản kết luận của Hội đồng thẩm định tới cơ quan lập quy hoạch để rà soát, điều chỉnh lại hồ sơ quy hoạch.

## Tiểu mục 2. PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ QUY HOẠCH

### Điều 24. Trình, phê duyệt quy hoạch

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

2. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch gồm:

1. Tờ trình phê duyệt quy hoạch;
2. Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạchchủ yếu gồm: Thời kỳ quy hoạch, phạm vi quy hoạch, quan điểm, mục tiêu, giải pháp quy hoạch, kinh phí thực hiện quy hoạch và tổ chức thực hiện;
3. Báo cáo thẩm định quy hoạch;
4. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định về nội dung quy hoạch;
5. Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan chuyên môn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan đối với quy hoạch; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

6. Báo cáo thuyết minh quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện.

7. Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

8. Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch tỉ lệ 1/10.000.

### Điều 25. Công bố quy hoạch

1. Thời gian công bố quy hoạch thực hiện theo pháp luật về quy hoạch, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch công bố quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông.

# MỤC IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

### Điều 26. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Việc tổ chức thực hiện quy hoạch được thực hiện theo phạm vi, nhiệm vụ được phân công trong quyết định phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Nghị định này.
3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:
4. Chỉ đạo các cơ quan tổ chức lập quy hoạch sau khi phê duyệt có trách nhiệm lập, cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu số về bản đồ và các tài liệu quy hoạch theo quy định để chia sẻ cho các cơ quan chuyên môn của địa phương và đồng bộ với cơ sở dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông;
5. Cập nhật cơ sở dữ liệu quy hoạch vào cơ sở dữ liệu quy hoạch chung của địa phương;
6. Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức triển khai quy hoạch, cấp phép xây dựng các công trình viễn thông, dùng chung, ngầm hóa, chỉnh trang mỹ quan đô thị.

### Điều 27. Đánh giá, rà soát thực hiện quy hoạch

1. Việc đánh giá thực hiện quy hoạch được thực hiện theo kỳ quy hoạch, khi điều chỉnh quy hoạch hoặc theo yêu cầu của cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

2. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch:

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu của quy hoạch;

b) Các tác động có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong phạm vi địa bàn quy hoạch;

c) Đánh giá tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch theo các tiêu chí: Danh mục và kế hoạch, tiến độ đầu tư các dự án đầu tư (theo nguồn vốn) đã triển khai thực hiện; Danh mục các dự án đã đi vào hoạt động và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của dự án; Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch chưa triển khai thực hiện, lý do chưa triển khai, khó khăn, vướng mắc;

d) Đánh giá chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch.

3. Quy hoạch được rà soát theo định kỳ 05 năm hoặc trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức rà soát quy hoạch; kết quả rà soát quy hoạch phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

### Điều 28. Điều chỉnh quy hoạch

1. Điều chỉnh quy hoạch được thực hiện khi:

1. Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chiến lược phát triển ngành hoặc lĩnh vực làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch;
2. Có sự điều chỉnh từ quy hoạch cấp cao làm thay đổi nội dung hoặc tạo ra mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;
3. Có sự thay đổi hoặc điều chỉnh địa giới hành chính;
4. Tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh thay đổi mục tiêu, định hướng và tổ chức không gian lãnh thổ;
5. Có yêu cầu bảo đảm quốc phòng và an ninh.

2. Điều chỉnh cục bộ các nội dung của quy hoạch nhưng không ảnh hưởng đến mục tiêu, quan điểm, phương hướng phát triển, giải pháp thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt và bảo đảm tính đồng bộ của các quy hoạch trong khu vực khi:

a) Phát sinh nhu cầu thực tế phát triển mạng để cung cấp dịch vụ viễn thông công nghệ mới, mở rộng dung lượng, số lượng cơ sở hạ tầng.

b) Sự phát triển của khoa học, công nghệ nhanh chóng làm cho thông tin quy hoạch bị tụt hậu với xu hướng phát triển xã hội.

### Điều 29. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch quy định tại Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch cục bộ được thực hiện như sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch giao cơ quan lập quy hoạch thực hiện lập, trình báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

b) Cơ quan lập quy hoạch rà soát, lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn giao thông, xây dựng và các cơ quan quản lý hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan trên địa bàn;

c) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

3. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt điều chính quy hoạch.

4. Cơ quan lập quy hoạch chịu trách nhiệm lập điều chỉnh quy hoạch.

### Điều 30: Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch

1. Trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng.

a) Sau khi quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được phê duyệt, Kế hoạch thực hiện quy hoạch phải được lập.

b) Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm xây dựng, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch hàng năm trước ngày 30 tháng 12 của năm như sau:

- Tổng hợp nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư, xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng cho năm kế tiếp (theo Mẫu số 04 - Phụ lục kèm theo);

- Rà soát, thống kê, đánh giá xem xét sự phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được ban hành.

- Gửi kế hoạch thực hiện quy hoạch của năm kế tiếp cho các cơ quan chuyên môn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện để cho ý kiếnvà đồng bộ với kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật các ngành trong năm tiếp theo và phối hợp triển khai sau này khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổng hợp ý kiến và báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch phê duyệt kế hoạch.

- Chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức cá nhân có liên quan.

c) Nội dung của kế hoạch hàng năm được quyết định phê duyệt phải bao gồm chủ yếu các nội dung sau:

- Kế hoạch phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (cống, bể, ống cáp); hào, tuy nen kỹ thuật (theo Mẫu số 05 - Phụ lục kèm theo);

- Kế hoạch phát triển cột treo cáp (bao gồm cột viễn thông, cột điện lực, cột chiếu sáng và các cột sử dụng treo cáp, lắp đặt thiết bị viễn thông) (theo Mẫu số 05 - Phụ lục kèm theo);

- Kế hoạch phát triển vị trí lắp đặt ăng ten theo tọa độ (được lập thành bảng và thể hiện trên bản đồ số) (theo Mẫu số 06 - Phụ lục kèm theo);

- Kế hoạch phát triển vị trí (địa chỉ, tọa độ) các nhà, trạm lắp đặt thiết bị vào đó để phục vụ viễn thông; (theo Mẫu số 06 - Phụ lục kèm theo);

- Kế hoạch phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan khác để lắp đặt thiết bị phục vụ viễn thông (theo Mẫu số 07 - Phụ lục kèm theo);

- Kế hoạch sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (bao gồm: công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, cột treo cáp, cột ăng ten, nhà, trạm và các công trình hạ tầng kỹ thuật thụ động khác có liên quan) và hạ tầng, thiết bị mạng, dịch vụ (theo Mẫu số 08 - Phụ lục kèm theo);

- Căn cứ vào quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được phê duyệt để tăng cường sử dụng chung hạ tầng, giảm chi phí đầu tư cho các doanh nghiệp trên địa bàn, cơ quan lập quy hoạch đề xuất giải pháp, lựa chọn phương án, hình thức tổ chức theo quy định của pháp luật (giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trong trường hợp sử dụng vốn ngân sách); yêu cầu các doanh nghiệp đàm phán, hợp tác để cùng đầu tư hoặc thuê sau khi công trình hoàn thành) để doanh nghiệp xây dựng hạ tầng dùng chung;

- Ngoài các nội dung nêu trên, căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn và trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, kế hoạch này có thể có các nội dung khác liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

d) Trách nhiệm của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trên địa bàn

Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm các doanh nghiệp phải có trách nhiệm báo cáo kế hoạch đầu tư, xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng cho năm kế tiếp với các nội dung chủ yếu được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.Đề xuất kiến nghị với cơ quan lập quy hoạch để được xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có).

đ) Kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hàng năm phải được cơ quan lập quy hoạch trình cơ quan tổ chức lập quy hoạch quyết định phê duyệt trước tháng 31 tháng 12 để làm sở cứ tổ chức triển khai thực hiện với các nội dung chủ yếu quy định tại điểm c khoản 1 điều này và làm cơ sở để đề xuất điều chỉnh bổ sung quy hoạch nếu cần thiết.

# MỤC V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn đã được phê duyệt, có hiệu lực đến ngày quy hoạch mới được ban hành.

### Điều 32. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

### Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn thi hành Nghị định này./.

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số ..../2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)*

**Mẫu số 01**

UBNDTỈNH/THÀNH PHỐ**...... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*.....**ngày........tháng........năm.......*

**DANH MỤC CÁC KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ ĐƯỢC XÂY DỰNG, SỬ DỤNG**

**CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ LẮP ĐẶT CÁP VIỄN THÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động số........ngày....tháng.....năm......)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt****(1)** | **Khu vực hoặc tuyến đường, phố** **(2)** | **Loai công trình** **hạ tầng kỹ thuật****(3)** | **Quy mô công trình****hạ tầng kỹ thuật****(4)** | **Thời điểm hạ ngầm cáp viễn thông** **(5)** |
| ***1*** | ***Quận/Huyện: Từ Liêm*** |
| *1.1* | *Tuyến Quốc lộ 32* |  *C1* | *cáp đồng 500 đôi, đường kính 0,5mm, chiều dài 5km (cáp đồng 500x2x0,5-5)* | *10/2015* |
| *1.2* |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| **2** | **Quận/Huyện:...** |
| 2.1 |  |  |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |
| *...* |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

*(3) Loại công trình hạ tầng kỹ thuật: loại công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng để lắp đặt cáp viễn thông bao gồm: công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông riêng biệt điền ký hiệu N1, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung với các ngành khác điền ký hiệu N2, cột treo cáp viễn thông riêng biệt điền ký hiệu C1, cột treo cáp sử chung với các ngành khác, như cột điện, cột đèn, v.v điền ký hiệu C2;*

*(4) Quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật: loại và số lượng cáp viễn thông tối đa có thể lắp đặt trên hoặc trong công trình hạ tầng kỹ thuật (số lượng đôi dây/sợi, đường kính (mm) dây); chiều dài (km) của công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*(5) Thời điểm hạ ngầm cáp viễn thông: thời điểm (tháng/năm) trong thời hạn của quy hoạch các tuyến cáp viễn thông đã lắp đặt trên cột treo cáp viễn thông riêng biệt hoặc cột điện, cột đèn, v.v tại khu vực, tuyến đường, phố phải hoàn thành việc ngầm hóa.*

**Mẫu số 02**

UBNDTỈNH/THÀNH PHỐ**...... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*.....**ngày........tháng........năm.......*

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VỊ TRÍ LẮP ĐẶT CỘT ĂNG TEN**

**PHÂN KỲ QUY HOẠCH THEO TỪNG NĂM CHO ĐẾN HẾT GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động số........ngày....tháng.....năm......)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khu vực** | **Công trình** | **Số lượng** | **Công trình kiên cố chịu được rủi ro thiên tai cấp IV** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| **1** | **Năm thứ nhất** |  |  |  |  |
|  | Xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình | Cột ăng ten cao 6m | 5 |  |  |
| Cột ăng ten cao 45m | 5 | - Bão rất mạnh từ cấp 14, cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ; đất liền khu vực Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ; - Nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 5 m đến 6 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Quảng Ninh đến Hà Tĩnh; |  |
|  | **...** |  |  |  |  |
| **2** | **Năm thứ hai** |  |  |  |  |
|  | ... |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Năm thứ ba** |  |  |  |  |
|  | ... |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Năm thứ tư** |  |  |  |  |
|  | ... |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Năm thứ năm** |  |  |  |  |
|  | ... |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú 1:*** *Cách ghi các trường thông tin*

*(2): khu vực quy hoạch đến cấp xã*

*(3): Loại công trình hạ tầng kỹ thuật*

*(4): Số lượng công trình quy hoạch tại một khu vực*

*(5): Nếu là công trình kiên cố chịu được rủi ro thiên tai cấp IV thì ghi rõ công trình ứng phó được với các loại hình rủi ro thiên tai cấp IV nào trong các loại hình rủi ro thiên tai cấp IV được quy định tại Quyết định của Thủ tướng chính phủ Quy định về Cấp độ rủi ro thiên tai.*

***Ghi chú 2:*** *Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông chịu được rủi ro thiên tai cấp IV phải đáp ứng các yêu cầu sau:*

*- Công trình phải được thiết kế đáp ứng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.*

***- Truyền dẫn đến công trình phải đảm bảo có ít nhất 02 hướng truyền dẫn (01 hướng chính và 01 dự phòng).***

***- Công nghệ sử dụng: Phải có đầy đủ các công nghệ hiện có.***

***- Nguồn điện dự phòng đảm bảo duy trì hoạt động của trạm liên tục 24/24 trong thời gian thiên tai xảy ra.***

***- Nhà trạm phải được thiết kế vượt đỉnh lũ cao nhất trong vòng 20 năm là 0,5m và đáp ứng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.***

***- Sẵn sàng roaming giữa các mạng với nhau khi có thiên tai xảy ra.***

**Mẫu số 03**

UBNDTỈNH/THÀNH PHỐ**...... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*.....**ngày........tháng........năm.......*

**KHU VỰC GIỚI HẠN CHIỀU CAO CỘT ĂNG TEN, NGỤY TRANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động số........ngày....tháng.....năm......)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đường/phố/khu phố/khu vực/ khu...** | **Giới hạn chiều cao cột ăng ten (m)** | **Biện pháp ngụy trang** | **Tính chất sử dụng** | **Số doanh nghiệp lắp đặt** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

*(2): Ghi tên đường/phố/khu phố/khu vực/ khu vực cụ thể*

*(3): Ghi giới hạn chiều cao tối đa của cột ăng ten*

*(4): Ăng ten ngụy trang hình cây xanh, bồn nước...*

*(5): Dân cư, công nghiệp, ...*

**Mẫu số 04**

UBNDTỈNH/THÀNH PHỐ**...... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*.....**ngày........tháng........năm.......*

**BÁO CÁO**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG**

**CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên doanh nghiệp** | **Loại hình dịch vụ** | **Kế hoạch đầu tư, xây dựng** | **Thời gian thực hiện** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

 *(3): Ghi loại hình dịch vụ cung cấp: Di động, internet, vệ tinh...*

*(4):* Xây dựng ... trạm thu phát sóng vệ tinh, xây dựng ... trạm trung chuyển dữ liệu, xây dựng .. trạm BTS, ...

*(5): ghi năm thực hiện2024, 2025...*

**Mẫu số 05**

UBNDTỈNH/THÀNH PHỐ**...... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*.....**ngày........tháng........năm.......*

**BÁO CÁO**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT NGẦM, TREO CÁP**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đường/phố/khu phố/khu vực/ khu...** | **Hạng mục công trình** | **Tiến độ thực hiện** | **Kết quả dự kiến** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

 *(2): Ghi tên đường/phố/khu phố/khu vực/ khu vực cụ thể*

## *(3): cống, bể, ống cáp); hào, tuy nen kỹ thuật, cột viễn thông, cột điện lực, cột chiếu sáng và các cột sử dụng treo cáp, cột lắp đặt thiết bị viễn thông*

*(4): Ghi thời gian thực hiện*

*(5) Nâng cao khả năng truyền tải tốc độ internet, Đảm bảo cảnh quan, mỹ quan môi trường đô thị...*

**Mẫu số 06**

UBNDTỈNH/THÀNH PHỐ**...... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*.....**ngày........tháng........năm.......*

**BÁO CÁO**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VỊ TRÍ LẮP ĐẶT ĂNG TEN, NHÀ TRẠM LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VIỄN THÔNG NĂM .........**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khu vực** | **Công trình** | **Số lượng** | **Công trình kiên cố chịu được rủi ro thiên tai cấp IV** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |  | *(5)* |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

*(2): khu vực quy hoạch đến cấp xã*

*(3): Loại công trình hạ tầng kỹ thuật*

*(4): Số lượng công trình quy hoạch tại một khu vực*

*(5): Loại hình rủi ro thiên tai cấp IV được quy định tại Quyết định của Thủ tướng chính phủ Quy định về Cấp độ rủi ro thiên tai*

***Ghi chú 2:*** *Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông chịu được rủi ro thiên tai cấp IV phải đáp ứng các yêu cầu sau:*

*- Công trình phải được thiết kế đáp ứng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.*

***- Truyền dẫn đến công trình phải đảm bảo có ít nhất 02 hướng truyền dẫn (01 hướng chính và 01 dự phòng).***

***- Công nghệ sử dụng: Phải có đầy đủ các công nghệ hiện có.***

***- Nguồn điện dự phòng đảm bảo duy trì hoạt động của trạm liên tục 24/24 trong thời gian thiên tai xảy ra.***

***- Nhà trạm phải được thiết kế vượt đỉnh lũ cao nhất trong vòng 20 năm là 0,5m và đáp ứng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.***

***- Sẵn sàng roaming giữa các mạng với nhau khi có thiên tai xảy ra.***

**Mẫu số 07**

UBNDTỈNH/THÀNH PHỐ**...... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*.....**ngày........tháng........năm.......*

**BÁO CÁO**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC ĐỂ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VIỄN THÔNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục công trình** | **Địa chỉ** | **Tiến độ thực hiện** | **Kết quả dự kiến** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

*(2): Tòa nhà chung cư, sân vận động, trạm bơm,...*

*(3): Ghi địa chỉ theo ít nhất 04 phân cấp hành chính (thôn/bản, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố)*

*(4): Ghi thời gian thực hiện*

*(5): Đáp ứng nhu cầu lắp đặt thiết bị viễn thông của các doanh nghiệp tại khu vực,....*

**Mẫu số 08**

UBNDTỈNH/THÀNH PHỐ**...... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*.....**ngày........tháng........năm.......*

**BÁO CÁO**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG CHUNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục hạ tầng** | **Tình trạng hiện tại** | **Nhu cầu sử dụng chung** | **Kế hoạch sử dụng chung** | **Kết quả dự kiến** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

*(2):* Loại hạng mục hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hoặc hạ tầng, thiết bị mạng, dịch vụ cần sử dụng chung (Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, cột treo cáp, cột ăng ten

(3): Tình trạng hiện tại của hạng mục hạ tầng. VD: Đang được sử dụng bởi một doanh nghiệp viễn thông

(4): Được sử dụng chung bởi các doanh nghiệp viễn thông VD: VNP, Mobifone, Viettel

(5): Các doanh nghiệp viễn thông cùng đầu tư xây dựng và vận hành công trình, các doanh nghiệp viễn thông cùng thống nhất quy hoạch sử dụng cột treo cáp...

(6): Kết quả dự kiến đạt được sau khi sử dụng chung hạng mục hạ tầng (Giảm chi phí đầu tư, vận hành cho các doanh nghiệp viễn thông, Tăng hiệu quả sử dụng cột treo cáp, giảm chi phí cho các doanh nghiệp viễn thông...)